

UBND TỈNH BẮC NINH
SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: /SĐTTG-VP

Bắc Ninh, ngày tháng 5 năm 2026

V/v thông báo và đề nghị phối
hợp thực hiện chế độ, chính sách
đối với người có uy tín trên địa
bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2026

Kính gửi:

- Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Ủy ban MTTQ tỉnh; Ban Tuyên giáo và Dân vận
Tỉnh ủy; Công an tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình Bắc Ninh;
- Bưu điện tỉnh Bắc Ninh;
- Báo VietNamNet.

Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số; Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐTTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 364/QĐ-BĐTTG ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Quyết định của UBND các xã, phường về việc phê duyệt, kiện toàn, điều chỉnh danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Bắc Ninh tổng hợp, báo cáo Bộ Dân tộc và Tôn giáo, UBND tỉnh và thông báo đến các cơ quan, sở, ngành, UBND các xã/phường và đơn vị liên quan về số lượng người có uy tín trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (*tính đến thời điểm ngày 15/5/2026*) như sau:

1. Số lượng, danh sách, địa chỉ người có uy tín:

Chỉ tiêu được phân bổ năm 2026, tỉnh Bắc Ninh có 523 người có uy tín, tuy nhiên thực tế còn hoạt động 510 người có uy tín (*do có 07 người có uy tín qua đời, cơ sở chưa hoàn thành quy trình thay thế; 06 người uy tín của 02 xã Lục Nam, Nhã*

Nam được ra khỏi danh sách người uy tín, do xã Lục Nam, Nhã Nam đã ra khỏi danh sách xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi từ ngày 01/01/2026).

(Có danh sách, địa chỉ chi tiết của 510 người uy tín theo Phụ lục đính kèm)

Số lượng, danh sách người uy tín trên có thể thay đổi khi có quyết định của Chủ tịch UBND các xã, phường phê duyệt, điều chỉnh, kiện toàn người có uy tín.

2. Đề nghị các sở, ngành, UBND các xã/phường, đơn vị liên quan phối hợp triển khai thực hiện các chế độ, chính sách và tổ chức các hoạt động đối với người có uy tín trên địa bàn theo đúng định.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Bắc Ninh trân trọng báo cáo Bộ Dân tộc và Tôn giáo, UBND tỉnh và đề nghị các cơ quan, sở, ngành, UBND các xã/phường, đơn vị liên quan phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND các xã, phường có người uy tín;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị CM thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đào Thu Hà

**DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH SAU KHI THỰC HIỆN CHÍNH QUYỀN
ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP (tính đến thời điểm 15/5/2026)**

*(Kèm theo công văn số /SDTTG-VP ngày /5/2026
của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Bắc Ninh)*

TT	Họ và tên	Năm sinh, Giới tính		Dân tộc	Đảng viên	Địa chỉ thôn, bản
		Nam	Nữ			
1	2	4	5	6	7	8
1	Xã Yên Định					
1	Lương Văn Trường	1960		Tày		Rộc Nậy
2	Hồ Đức Hà	1964		Nùng	X	Trại Răng
3	Hoàng Thanh Ký	1953		Nùng	X	Đồng Bua
4	Tô Văn Phúc	1959		Tày		Gốc Gạo
5	Lưu Văn Kiểm	1960		Kinh	X	Cắm Đàn
6	Ngô Văn Tuấn	1961		Tày		Tiên Lý
7	Nguyễn Văn Thái	1952		Kinh	X	Đồng Chu
8	Vương Hữu Phùng	1949		Cao Lan	X	Nhân Định
9	Hoàng Minh Tiến	1958		Cao Lan		Trại Chùa
10	Mễ Văn Oanh	1950		Cao Lan		Khe Tấu
11	Nông Văn Chinh	1954		Cao Lan		Đồng Hà
2	Xã Vân Sơn					
12	Nông Văn Quảng	1957		Tày	X	Phe
13	Nguyễn Mạnh Hùng	1960		Tày	X	Khả
14	Triệu Sinh Học	1962		Dao	X	Gà
15	Hoàng Văn Thành	1960		Tày		Nà Vàng
16	Phùng Văn Quang	1963		Tày		Sản 3
17	Đình Văn Dập	1960		Tày		Dần
18	Đình Văn Chanh	1948		Tày	X	Dần 3
19	Trịnh Ngọc Cự	1942		Kinh	X	Sản
3	Xã Tuấn Đạo					
20	Phùng Chím Pồ	1956		Dao	X	Thôn Nghèo
21	Bàn Xuân Tăng	1944		Dao		Đồng Xuân
22	Lục Quang Vinh	1950		Nùng		Đồng Tâm
23	Triệu Văn Hương	1960		Dao	X	Tuấn Sơn
24	Hoàng Ngọc Phượng	1959		Cao Lan	X	Am Hà
25	Hoàng Đức Phong	1953		Sán Chí		Nam Bồng
26	Lương Văn Xuất	1956		Kinh		Mùng

TT	Họ và tên	Năm sinh, Giới tính		Dân tộc	Đảng viên	Địa chỉ thôn, bản
		Nam	Nữ			
4	<i>Xã An Lạc</i>					
27	Hoàng Thanh Bình	1956		Kinh	X	Thanh Trà
28	Mễ Văn Hải	1965		San Chí	X	Thia Tu Nim
29	Lê Thị Mầu		1960	Kinh		Tân Chung
30	Trần Văn Sàng	1961		San Chí	X	Chung Sơn
31	Nịnh Văn Cạng	1958		San Chí		Lọ
32	Trương Công Dìn	1949		SánChí	X	Lạnh
33	Mễ Văn Bảo	1964		San Chí	X	Nà Trắng
34	Châu Văn Tường	1941		Tày	X	Kim Bảng
35	Châu Văn Kim	1958		Tày	X	Biếng
36	La Văn Thái	1947		Tày	X	Nà Ó
37	Đàm Xuân Tình	1945		San Chí	X	Đồng Bâu
38	Nguyễn Văn Bốn	1950		Tày	X	Thác
39	Dương Xuân Chính	1958		Tày		Đồng Khao
40	Mã Hữu Khang	1949		Tày	X	Đồng Bài
41	Loan Văn Việt	1970		Tày	X	Đồng Dương
42	Nguyễn Thị Thanh		1958	Tày	X	Rõng
5	<i>Xã Đại Sơn</i>					
43	Vương Quốc Bào	1950		Nùng		Trung Sơn
44	Chu Văn Toòng	1957		Nùng		Tân Hiệp
45	Nông Văn Thái	1952		Nùng	X	Làng Khang
46	Hoàng Văn Cường	1963		Nùng		Đồng Chanh
47	Chu Đức Hào	1950		Nùng	X	Đồng Cây
48	Vi Thị Liên		1973	Tày		Tân Trung
49	Hoàng Thị Minh		1961	Tày	X	Khuân Cầu
50	Hoàng Thị Hồng		1954	Nùng		Nam Sơn
51	Lãnh Văn Đàm	1959		Tày		Mới
52	Đình Văn Thọ	1957		Kinh		Thước
53	Lương Văn Dím	1952		Nùng		Đồng Mường
54	Nguyễn Thị Tiêu		1950	Tày		Non Tá
55	Lý Văn Tắc	1964		San Chí		Đồng Bấm
56	Triệu Tiến Thòong	1942		Dao		Đồng Cao
57	Chu Thị Phèn		1968	Nùng	X	Đá Cối
58	Vi Văn Phúc	1956		Nùng		Rèm
59	Vi Văn Vần	1961		Nùng		Gốc Sau
60	Trần Văn Thông	1958		Cao Lan		Việt Tiên

TT	Họ và tên	Năm sinh, Giới tính		Dân tộc	Đảng viên	Địa chỉ thôn, bản
		Nam	Nữ			
6	Xã Dương Hưu					
61	Chiêu Đức Hoàn	1949		Tày		Thán
62	Hoàng Văn Toàn	1958		Tày	X	Đồng Riều
63	Bàn Vũ Quyền	1950		Dao	X	Mùng
64	Đặng Văn Khương	1981		Dao	X	Bán
65	Bàn Văn Đức	1967		Dao		Đồng Làng
66	Hoàng Xuân Quang	1962		Kinh	X	Mục
67	Vi Xuân Tiến	1940		Tày	X	Thoi
68	Nguyễn Tiến Hồng	1952		Kinh	X	Đồng Mạ
69	Nguyễn Đình Phan	1944		Kinh		Tầu
70	Ngọc Huy Liệu	1959		Kinh	X	Thượng
71	Nguyễn Văn Bốn	1949		Kinh	X	Hạ
72	Ngọc Trung Thành	1954		Kinh		Thanh Hương
73	Mai Xuân Vượng	1953		Kinh	X	Đặng
7	Xã Sơn Động					
74	Hoàng Văn Nam	1970		Tày	X	Luông Doan
75	Hoàng Minh Sớm	1949		Tày	X	Ao Bông
76	Trần Ngọc Loát	1963		Kinh	X	Đặng
77	Hoàng Văn Tôn	1959		Tày	X	Đồng Mặn
78	Nguyễn Văn Tiến	1948		Kinh		Phú Hưng
79	Vi Hồng Ly	1955		Tày	X	Mai Hiên
80	Nông Minh Tô	1958		Tày	X	Mặn
81	Vũ Văn Hưởng	1959		Kinh	X	Chào
82	Nguyễn Văn Quế	1964		Tày	X	Mật
83	Ngô Chí Bàn	1947		Kinh	X	Hiệp Reo
84	La Văn Thuận	1957		Tày	X	Chao
85	Nông Văn Phương	1946		Tày		Làng Chẽ
86	Vũ Quang Vương	1960		Kinh	X	TDP số 3
87	Lê Văn Tuyến	1963		Kinh		TDP Phe
88	Nông Văn Càn	1967		Kinh		TDP Đình
89	Nông Văn Thắng	1965		Tày	X	TDP Ké
90	Nông Thị Nghĩa		1962	Tày	X	TDP Cại
91	La Văn Học	1963		Kinh	X	TDP số 5
92	Lê Thị Thủy		1968	Kinh	X	TDP số 1
93	Nguyễn Văn Muôn	1958		Kinh		TDP số 4
94	Hà Văn Cửu	1970		Kinh	X	TDP Thượng 1

TT	Họ và tên	Năm sinh, Giới tính		Dân tộc	Đảng viên	Địa chỉ thôn, bản
		Nam	Nữ			
95	Nguyễn Đình Tiềm	1967		Kinh	X	TDP Hạ 2
96	Nguyễn Thị Thủy	1966		Kinh	X	TDP Lốt
97	Lý Văn Sin	1967		Cao lan		TDP Mỏ
98	Phan Đình Lợi	1943		Cao lan		TDP Lừa
99	Chu Đình Thiện	1969		Nùng	X	TDP Thượng 2
100	Nguyễn Văn Thêm	1960		Kinh	X	An Bá
101	La Tuấn Đạo	1952		Cao Lan	X	Lái
102	Hoàng Văn Pầu	1951		Tày	X	Hai
103	Lê Thị Thành		1954	Kinh	X	Vá
104	Đặng Văn Nhảm	1953		Cao Lan		Đồng Dầu
105	Lê Thị Mây		1963	Kinh		Đồng Tàn
8	TT Tây Yên Tử				3	
106	Triệu Văn Tài	1965		Dao		TDP Mậu
107	Bàn Văn Cường	1946		Dao	X	TDP Thanh Chung
108	Hoàng Văn Tuệ	1969		Nùng	X	TDP Bài
109	Lê Quang Be	1954		Kinh	X	TDP Néo
110	Nguyễn Văn Chiến	1963		Kinh		Thanh Hà
111	Nguyễn Văn Cơ	1963		Kinh		Gà
112	Nguyễn Viết Phóng	1950		Kinh	X	Náng
113	Ngô Mạnh Hùng	1956		Kinh		Rỏn
9	Biển Động					
114	Vi Thanh Chài	1949		Nùng		Ba Lều
115	Luân Văn Minh	1958		Nùng	X	Thùng Thành
116	Lăng Văn Sú	1955		Nùng		Khuyên Quéo
117	Hoàng Văn Tuần	1960		Kinh	X	Thảo
118	Lương Văn Phới	1953		Nùng		Đồng Man
119	Hoàng Văn Chạc	1965		Nùng		Thôn Đồng Phúc
120	Mã Văn Hào	1958		Nùng		Thôn Đồng Láy
121	Bàng Văn Ly	1949		Nùng		Thôn Đồng Răng
122	Tàng Văn Sim	1950		Nùng	X	Hồ
123	Phan Pệt Gioóng	1955		Hoa	X	Vòng
124	Lý Thị Yên	1983		Nùng	X	Hợp Thành
125	Chung Văn Đồng	1964		Cao Lan		Quéo
126	Mông Văn Phú	1984		Cao Lan		Ván B
127	Hoàng Thị Mùi	1964		Cao Lan		Ván A
128	Nguyễn Thị Thái	1988		San Chí		Thuận A

TT	Họ và tên	Năm sinh, Giới tính		Dân tộc	Đảng viên	Địa chỉ thôn, bản
		Nam	Nữ			
129	Lục Văn Phượng	1954		Cao Lan		Thuận B
130	Đàm Văn Kim	1963		Cao Lan		Vách Gạo
131	Chu Văn Sáng	1960		Hoa		Thác Dèo
132	Đường Văn Sáu	1978		Nùng		Thích
133	Đặng Văn Tư	1962		Nùng		Hòa Thanh
10	Lục Ngân					
134	Lý Xuân Chiến	1953		Sán Dìu		Thác Do
135	Tạ Văn Cón (Tu)	1966		Hoa		Cá 3
136	Hoàng Văn Bò	1957		Hoa		Bóm
137	Phạm Thị Liên		1955	Hoa		Cá 1
138	Từ Minh Sáng	1950		Hoa		Trại Mật
139	Bàng Thị Lan		1959	Hoa		Cá 2
140	Leo Văn Bò	1959		Hoa	X	Đồng Nấm
141	Vũ Văn Hật	1952		Kinh		Trường Sinh
142	Hoàng Văn Thu	1964		Sán Dìu		Áp
143	Trần Huy Tranh	1955		Kinh		Đoàn Kết
144	Phạm Đức Mùi	1955		Kinh		Sàng Nội
145	La Văn Chiều	1960		Kinh		Sàng Bền
146	Sái Văn Lý	1940		Tày	X	Trung Phong
147	Lương Thực Tế	1947		Tày	X	Đồng Phong
148	La Văn Quán	1962		Hoa		Ao Tán
149	Lủ Phạp Pồ	1953		Hoa		Phúc Hòa
150	Nghiêm Phạt Chín	1950		Hoa		Ao Quê
151	Bé Văn Nàng	1953		Tày		Du
152	Tổng Văn Tám	1959		C.Lan		Tư Thâm
153	Hoàng Văn Hà	1947		Tày		Cao Thượng
154	Lý Văn Cường	1975		Nùng	X	Xóm Xũ
155	Nông Văn Lâm	1970		Nùng		Thanh Văn 1
156	Lục Văn Toàn	1963		Nùng		Ao Nhân
157	Hoàng Văn Sùi	1959		Nùng		Cầu Sài
158	Mã Văn Hiến	1946		Nùng		Khuân Lương
159	Nguyễn Văn Lâu	1950		Kinh		Khuân Cầu
160	Phạm Văn Gioóng	1980		Hoa	X	Vật Ngoài
161	Triệu Văn Chín	1960		Hoa		Thanh Văn 2
162	Dương Văn Nhật	1962		Kinh		Vật Phú
163	Thăng Văn Báo	1962		Sán dìu		Muối

TT	Họ và tên	Năm sinh, Giới tính		Dân tộc	Đảng viên	Địa chỉ thôn, bản
		Nam	Nữ			
164	Vi Văn Cun	1967		Nùng	X	Núi Lều
165	Triệu Văn Giáp	1973		Nùng		Lim
166	Trịnh Văn Tệt	1959		Hoa	X	Trại Mới
167	Trương Công Nguyên	1962		Sán Dìu	X	Bèo
168	Vi Văn Chấn	1960		Nùng		Dọc Mùng
169	Lê Văn Lý	1960		Nùng		Vành Dây
170	Trần Văn Tiến	1951		Sán Dìu		Chảo
171	Trần Văn Hạ	1960		Sán Dìu		Thái Hòa
172	Hà Thị Đương		1966	Tày	X	Cầu chết
173	Chung Quang Khải	1956		Tày		Thôn Chay
174	Tô Văn Trường	1957		Kinh	x	Thôn Phì
175	Nguyễn Quang Hợp	1947		Kinh	X	Mai Tô
11	Đèo Gia					
176	Hoàng Văn Canh	1958		Cao Lan		Cống Luộc
177	Chung Văn Thảo	1947		Cao Lan		Đèo Gia
178	Nịnh Văn Hang	1964		Cao Lan		Đồng Bụt
179	Nịnh Văn Khai	1941		Cao Lan	X	Thung
180	Lâm Văn Định	1949		Cao Lan	X	Ruồng
181	Bà Phạm Thị Nguyên		1962	Kinh		Xạ Nhỏ
182	Bé Văn Nguyên	1954		Tày		Khả Lã 5
183	Lại Hồng Sáng	1955		Hoa		Khả Lã
184	Lại Hồng Thu	1952		Hoa	X	Khả Lã 2
185	Lại Văn Báo	1950		Nùng		Đồng Con 1
186	Lưu Trung Thu	1960		Sán Dìu	X	Trại Thập
187	Diệp Phạt Còng	1967		Hoa		Đồng Con 2
188	Lý Văn Pầu	1958		Dao		Tân Tiến
189	Triệu Khánh Tuyên	1966		Dao		Hòa Thịnh
190	Triệu Văn Nga	1964		Dao		Hòa Trong
191	Hà Văn Thành	1974		Tày	X	Luồng
192	Vi Nhức Sáng	1975		Hoa		Cà Phê
12	Sơn Hải					
193	Hoàng Văn Lùng	1955		Nùng	X	Cầu Sắt
194	Hoàng Văn Vền	1960		Nùng	X	Đáp
195	Vi Văn Sáng	1959		Nùng	X	Cỏ Vài
196	Lý Khánh Dĩ	1952		Nùng	X	Tam Chẽ
197	Hứa Văn Thủy	1979		Nùng		Đồng Mậm

TT	Họ và tên	Năm sinh, Giới tính		Dân tộc	Đảng viên	Địa chỉ thôn, bản
		Nam	Nữ			
198	Lục Văn Dèo	1947		Nùng		Na Hem
199	Lăng Văn Sấn	1965		Nùng		Khuôn Trang
200	Tô Thành Lập	1958		Kinh		Héo A
201	Lục Văn Chông	1962		Nùng		Đồng Phai
202	Lý Văn Lưu	1961		Nùng		Cái Cạn
203	Chu Văn Pái	1957		Nùng		Hợp Thành
13	Tân Sơn					
204	Lý Văn Lý	1946		Nùng	X	Đồng Dau
205	Vi Văn Minh	1955		Nùng	X	Khuôn Kén
206	Hùng Văn Tỷ	1959		Nùng	X	Bắc Hoa
207	Hoàng Văn Mới	1967		Nùng	X	Khuôn Phái
208	Hứa Văn Ngán	1965		Nùng		Thác Lười
209	Vi Văn Thịnh	1962		Nùng		Khuôn Tỏ
210	Phùng Văn Khí	1964		Nùng	X	Phố Chợ
211	Vi Văn Chung	1981		Nùng		Thôn Bền
212	Luân Văn Muộn	1988		Nùng	X	Thôn Chằm Khon
213	Hoàng Văn Com	1980		Nùng	X	Thôn Bà
214	Dương Văn Điềm	1989		Tày	X	Thôn Ao Vương
14	Biên Sơn					
215	Triệu Văn Sáu	1969		Nùng		Hiệp Sơn
216	Chu Văn Đậu	1958		Nùng		Dọc Đình
217	Vi Văn Thanh	1970		Nùng		Đức Thắng
218	Mã Thị Đéng		1959	Nùng		Trại Mới
219	Lâu Văn Hiền	1960		Nùng		Xé Khuyên
220	Hoàng Văn Cẩm	1957		Nùng		Nén Bầu
221	Lăng Văn Héc	1959		Nùng		Bình Lửa
222	Nông Văn Thư	1951		Tày		Suối Chạc
223	Chu Văn Thực	1961		Nùng		Rì
224	Vi Văn Thống	1963		Nùng	X	Vựa Ngoài
225	Chu Văn Pỉnh	1952		Nùng		Cầu Nhạc
226	Lã Văn Về	1960		Nùng		Cống Lầu
15	Sa Lý					
227	Nông Văn Ân	1974		Tày		Đồn Cây Lâm
228	Tăng Thị Sửu		1964	Tày	X	Xé Mông
229	Lý Văn Cây	1962		Sán Chí	X	Răng
230	Hoàng Văn Hồng	1966		Sán Chí		Đảng

TT	Họ và tên	Năm sinh, Giới tính		Dân tộc	Đảng viên	Địa chỉ thôn, bản
		Nam	Nữ			
231	Trần Văn Phụng	1960		Sán Chí	X	Trạm
232	Triệu Sinh Thắng	1952		Dao		Thôn Na Lang
233	Lý Văn Mô	1962		Kinh	X	Thôn Nũn
234	Nguyễn Văn Cương	1960		Kinh		Thôn Cà
235	Nguyễn Văn Sinh	1947		Kinh		Thôn Giàng
16	Phường Chũ					
236	Từ Hùng Bích	1948		Sán Dìu	X	Tổ dân phố Cầu Cát
237	Trương Văn Đức	1939		Sán Dìu	X	Tổ dân phố Hồ Sen
238	Lương Thị Nón		1960	Tày	X	Tổ dân phố Ồi
239	Hoàng Văn Sáng	1953		Nùng	X	Tổ dân phố Mới
240	Trần Đình Thu	1970		Sán Dìu	X	TDP Nhập Thành
241	Trương Văn Bảo	1951		Sán Dìu	X	Thôn Chính
242	Mông Văn Thắng	1957		Nùng	X	Hiệp Ca
243	Hoàng Văn Man	1970		S.Dìu	X	Thôn Ngọt
244	Tây Ngọc Sạc	1951		S.Dìu		Thượng Phương Sơn
245	Trần Lương Chính	1944		Kinh		Thôn Kép 1
246	Vi Thị Lượ		1962	Kinh	X	Nguồn Trong
247	Lục Văn Lái	1957		Nùng		Lai cách
248	Leo Văn Đạo	1962		Sán Dìu		Xẻ Mới
249	Trương Văn Tài	1958		Sán Dìu		Bùng Ròng
250	Hoàng Văn Long	1953		Nùng		Bùng Núi
251	Nguyễn Văn Long	1952		Sán Dìu		Đông Tuấn
252	Trương Quang Sáng	1950		Sán Dìu		Bùng Ruộng
253	Lý Văn Sinh	1952		Tày		Tân giáp
254	Bành Văn Pồ	1952		Sán Dìu	X	Cầu Đền
255	Nguyễn Văn Sìn	1961		Sán Dìu	X	Hồ Quế
256	Trương Thanh Cao	1952		Sán Dìu	X	Hà Thanh
257	Vi Văn Cận	1949		Nùng		Bãi Dài Cẩm Hòa
258	Hoàng Văn Xá	1955		Nùng		Trại Giữa
259	Sầm Văn Thắng	1963		Nùng		Vàng
260	Tăng Thị Dần		1961	Nùng	X	Bông 2
261	Loan Văn Hiền	1969		Nùng		Cẩm Định Cẩm Sơn
262	Vi Văn Phấn	1965		Nùng		Quý Thượng
263	Lý Văn Thảo	1958		Nùng		Thông
264	Lý Văn Thành	1977		Sán dìu	X	Sậy
265	Lý Văn Ngọc	1974		Sán dìu	X	Sậy To

TT	Họ và tên	Năm sinh, Giới tính		Dân tộc	Đảng viên	Địa chỉ thôn, bản
		Nam	Nữ			
266	Trần Văn Tư	1967		Hoa		Mìn Con
267	Nguyễn Minh Vốn	1947		Kinh	X	Thanh Tân
268	Nguyễn Khắc Luân	1963		Kinh	X	Thanh An
269	Nguyễn Văn Quý	1963		Kinh	X	Thanh Cầu
17	Phường Phượng Sơn					
270	Trần Văn Thư	1960		Hoa		Tư Một
271	Hoàng Việt Sơn	1952		Tày		Tư Hai
272	Diệp Hữu Bình	1953		Sán Dìu		Số Tư
273	Ma Tô Hiệu	1950		Tày		Hai Mới
274	Hỷ Văn Lý	1953		Hoa	X	Đồng Giao
275	Trần Văn Sáng	1948		Hoa		Trại Ba
276	Lưu Ngọc Thuận	1949		Sán Dìu		Hai Cũ
277	Tây Văn Cùn	1958		Sán Dìu		Đoàn Kết
278	Vi Văn Chiến	1945		Sán Dìu	X	Số Ba
279	Bàng Văn Seo	1957		Sán Dìu	X	Giành Cũ
280	Ân Ngọc Lương	1960		Sán Dìu	X	Thum Cũ
281	Trần Văn Hiền	1948		Sán Dìu		Bắc Một
282	Hoàng Văn Phổ	1961		Tày		Giành Mới
283	Trần Tiến Tư	1959		Sán Dìu	X	Bắc Hai
284	Leo Bình Thanh	1961		Sán Dìu	X	Phi Lễ
285	Hoàng Thị Thư		1974	Tày	X	Thum Mới
286	Trần Văn Đương	1951		Kinh		Quý Thịnh
287	Trương Văn Minh	1958		Sán dìu		Đồng Trắng
288	Hoàng Văn Sinh	1954		Sán Dìu		Trại 1
18	Nam Dương					
289	Diệp Văn Bảo	1969		Sán Dìu	X	Bến Huyện
290	Hoàng Văn Thịnh	1952		Nùng		Lâm
291	Trình Văn Hùng			Sán Dìu	X	Cảnh
292	Nguyễn Đình Lạc	1955		Kinh		Hòn Tròn
293	Nguyễn Hữu Sơn	1971		Kinh	X	Nam Sơn
294	Trần Văn Cảnh	1973		Kinh	X	Nam Điện
295	Nguyễn Văn Bộ			Kinh	X	Biềng
296	Lê Quang Cát	1960		Kinh	X	Cầu Meo
297	Nguyễn Xuân Vui			Kinh	X	Thủ Dương
298	Chu Văn Giáp	1964		Sán Dìu	X	Tân giáo
299	Trần Văn Hùng	1955		Sán Dìu	X	Tân Mộc

TT	Họ và tên	Năm sinh, Giới tính		Dân tộc	Đảng viên	Địa chỉ thôn, bản
		Nam	Nữ			
300	Bùi Đình Cát			Kinh		Đồng Quýt
301	Hà Trung Thành	1955		Hoa		Hoa Quảng
302	Nguyễn Văn Bắc			Kinh		Tân Trung
303	Hoàng Văn Hai	1960		Sán Dìu		Đồng Á
304	Nguyễn Văn Hiền	1960		Kinh		Tân Đồng
305	Nguyễn Duy Chiến	1967		Kinh		Tân Thành
19	Kiên Lao					
306	Lâm Văn Chiêm	1955		San chí		Hồ Bông
307	La Đức Mạnh	1962		San chí		Nóng
308	Lý Hồng Viên	1955		San chí		Họ
309	Lý Văn Chiêu	1959		San chí		Ao Keo
310	Hoàng Văn Thành	1958		Nùng		Giữa
311	Ninh Quốc Dân	1959		San chí	X	Cống
312	Trần Mạnh Thung	1962		San chí	X	Cắm Vải
313	Hoàng Văn Năm	1961		Nùng		An Toàn
314	Hoàng Văn Xuân	1958		Nùng		Khuôn Thân
315	Hoàng Đài Sơn	1968		Nùng		Hà
316	Luân Văn Vàng	1968		Nùng		Đèo Cạn
317	Hoàng Văn Uẩn	1962		Nùng		Cai Lé
318	Lâm Văn Cẩm	1959		Nùng		Nguồn
319	Nông Văn Ba	1983		Nùng	X	Cầu Mừng
320	Hoàng Văn Tới	1953		Tày		Phượng Năng
321	Trần Văn Tiến	1967		Nùng		Nương
322	Lý Trung Bộ	1962		Sán Dìu		Trại Giáp
323	Hoàng Văn Linh	1957		Nùng		Trung Mới
324	Vi Hoài Thanh	1959		Sán Dìu	X	Bản Hạ
325	Vi Minh Đức	1954		Nùng	X	Rừng Gai
20	Lục Sơn					
326	Triệu Văn Tư	1936		Dao		Văn Non
327	Lý Văn Thuận	1960		Dao		Gốc Dẻ
328	Bàn Văn Thắng	1961		Dao	X	Đồng Vành 1
329	Đặng Vĩnh Phu	1936		Dao		Đồng Vành 2
330	Nịnh Văn Kim	1936		Cao Lan	X	Rừng Long
331	Tổng Văn Nông	1969		Cao Lan		Đèo Quạt
332	Tổng Văn Sơn	1956		Cao Lan		Vĩnh Ninh
333	Trạc Văn Quân	1969		Cao Lan		Vĩnh Hồng

TT	Họ và tên	Năm sinh, Giới tính		Dân tộc	Đảng viên	Địa chỉ thôn, bản
		Nam	Nữ			
334	Trương Văn Cầu	1961		Cao Lan	X	Nghè Mản
335	Nông Văn La	1955		Tày		Tân Mộc
336	Đặng Văn Phú	1955		Dao		Đồng Đình
337	Tổng Chí Thiêm	1958		Cao Lan	X	Hòa Bình
338	Hoàng Ngọc Hùng	1959		Tày	X	Đồng Hiệu
21	Trường Sơn					
339	Hoàng Anh Quân	1976		Tày		Thôn Khe Sâu
340	Dương Thị Xuân		1961	Sán Dìu		Thôn Chằm
341	Nghiêm Trương Bình	1959		Hoa		Thôn Trại Ổi
342	Tàng Thị Nguyệt		1958	Tày		Thôn Cầu Gỗ
343	Triệu Văn Hạnh	1962		Dao	X	Thôn Vua Bà
344	Loan Quốc Mậu	1954		Tày		Ao Sen
345	Phùng Văn Sáng	1968		Hoa		Trại Găng
346	Lưu Đình Tiến	1947		Sán Dìu	X	Đồng Mạ
347	Tô Văn Trình	1954		Tày		Mỏ Sẻ
348	Hoàng Văn Bình	1966		Tày		Bắc Máng
349	Lý Say Hùng	1962		Dao		Trại Lán
350	Phùng Văn Thanh	1957		Nùng		Ao Vè
351	Hoàng Vĩnh Sáng	1958		Hoa		Đồng Mận
352	Hạng Văn Vin	1980		Tày		Đồng Quần
22	Cẩm lý					
353	Lưu Văn Khoa	1962		Sán Dìu		Giáp Sơn
23	Đông Phú					
354	Hoàng Minh Sơn	1951		Nùng		Thôn Trại Va
355	Phương Văn Sinh	1954		Nùng		Thôn Đoàn Tùng
356	Loan Văn Sọc	1950		Tày	X	Thôn Hồ Nứa
357	Hoàng Văn Biên	1963		Nùng	X	Cây Đa
358	Lương Khánh Đông	1970		Hoa		Trại Mít
359	Chè Nải Phu	1949		Hoa		Trại Quan
360	Hoàng Kinh Phí	1963		Hoa		Quan 1
361	Hồ Mạnh Hùng	1975		Hoa		Đồng Hương
362	Lục Văn Man	1938		Sán Dìu		Trại Ruộng
363	Chu Văn Bảo	1962		Sán Dìu	X	Đồng Cống
364	Trương Văn Trường	1956		Tày		Đồng Sơn
365	Vi Văn Thành	1960		Tày	X	Đồng Tân
366	Tô Văn Tám	1980		Tày		Cai Vàng

TT	Họ và tên	Năm sinh, Giới tính		Dân tộc	Đảng viên	Địa chỉ thôn, bản
		Nam	Nữ			
367	Hoàng A Xám	1951		Hoa		Đạo Lưới
24	<i>Nghĩa Phương</i>					
368	Nguyễn Hữu Tuấn	1974		Kinh	X	Dùm
369	Triệu Bá Hiền	1977		Cao Lan	X	Đồng man
370	Phan Văn Năm	1969		Tày	X	Ba Gò
371	La Ngọc Thắng	1947		Tày		Phượng Hoàng
372	Hoàng Tài Định	1961		Tày		Suối Ván
373	Hoàng Văn Pháp	1958		Tày		Bãi Ô
374	Bé Văn Xanh	1978		Tày		Mương Làng
375	Vấn Văn Toàn	1977		Hoa		Trí Yên
376	Hà Quốc Thắng	1968		Tày	X	Hồ Nước
377	Phạm Văn Thành	1958		Sán Dìu		An Phúc
378	Diệp Văn Báo	1952		Sán Dìu		Đồng Chè
379	Từ Văn Dũng	1967		Sán Dìu	X	Nghè
380	Viên Văn Báo	1964		Sán Dìu		Bãi Dài
381	Từ Văn Vân	1978		Sán Dìu	X	Chùa
25	<i>Bảo Đài</i>					
382	Nông Tiến Dũng	1947		Tày	X	Hồ Lương
383	Chu Văn Hùng	1984		Nùng	X	Đồng Cống
384	Vi Văn Tân	1946		Nùng		Quất Sơn
385	La Văn Xô	1953		Tày	X	Hồ Sơn 1
386	Lăng Văn Phú	1938		Nùng	X	Đoái
387	Trương Quang Tân	1962		Nùng		Bãi Lòi
388	Hứa Văn Lịch	1963		Nùng		Hồ Dè
389	Nông Văn Lập	1982		Nùng		Trại Tràm
390	Lý Văn Thường	1974		Nùng		Hòn Ngọc
26	<i>Xã Yên Thế</i>					
391	Triệu Tiến Khải	1959		Dao	X	Thôn Đồng Mơ
392	Phương Thị Sâm	1969		Nùng	X	Thôn Yên Thế
393	Lưu Văn Chiến	1953		Nùng		Bản Đồng Hom
394	Nông Văn Sản	1956		Nùng		Thôn Đền Cô
395	Hà Văn Đông	1947		Nùng		Bản Đồng Thép
396	Lý Văn Lái	1959		Nùng		Thôn Phan
397	Lư Tiến Cảnh	1960		Nùng		Thôn Đồng Nhân
398	Chu Đức Thịnh	1947		Nùng	X	Thôn Đồng Bài
399	Chu Xuân Tạc	1947		Tày	X	Thôn Đồng Gia

TT	Họ và tên	Năm sinh, Giới tính		Dân tộc	Đảng viên	Địa chỉ thôn, bản
		Nam	Nữ			
400	Lý Viết Minh	1964		Nùng		Thôn Đồng Bông
401	Triệu Văn Thiện	1959		Nùng		Tiểu
402	Lý Văn Việt	1962		Nùng	X	Đền
403	Triệu Văn Và	1944		Nùng	X	Trại Cả
404	Vi Hồng Nhân	1957		Nùng		Cây Gạo
405	Hứa Văn Đồng	1954		Nùng		Thôn Chỉ Chèo
27	Xã Bồ Hạ					
406	Hùng Văn Sim	1957		Nùng		Thôn Hồ Dích
407	Nguyễn Văn Cường	1967		Tày		Thôn Ao Cạn
408	Lý Xuân Nam	1949		Nùng	X	Thôn Đồi Hồng
409	Hoàng Đại Khê	1947		Sán diu	X	Thôn Vi Sơn
28	Xã Đồng Kỳ					
410	Hoàng Thị Sến		1955	Nùng		Thôn công Huyện
411	Trình Viết Văn	1950		Nùng		Thôn Đồng Lân
412	Hoàng Văn Nhất	1977		Nùng		Thôn Ngò 2
413	Hà Văn Sáng	1961		Nùng		Thôn Trại Sáu
414	Hùng Văn Châu	1954		Nùng	X	Bản Cầu Tư
415	Nông Văn Minh	1961		Nùng		Thôn Đền Giếng
416	Lâm Văn Ngọc	1965		Nùng	X	Bản Đền Hồng
417	Long Văn Ký	1947		Nùng		Bản Làng Ba
418	Hứa Việt Hải	1952		Nùng	X	Trại Hồng Nam
419	Long Văn Tèo	1963		Nùng		Thôn Trại Hồng
420	Lục Văn Bẫy	1971		Nùng	X	Bản Trại Nhì
421	Tô Thị Sen		1946	Nùng		Đèo Cà
422	Nguyễn Khắc Hôn	1963		Kinh		Suối Dọc
423	Sầm Văn Sáy	1950		Nùng		Trại Vành
424	Lương Xuân Thu	1964		Nùng	X	Trại Tre
425	Hà Văn Phát	1955		Nùng		Trại Mới
426	Hoàng Ngọc Ninh	1950		Kinh	X	Thái Hà
427	Nguyễn Tiến Thắng	1975		Kinh		Bãi Gianh
428	Lưu Văn Di	1955		Nùng		Mỏ Hương
429	Đàm Văn Thanh	1955		Nùng		Cổng Châu
430	Liều Công Viên	1954		Tày		Ao Gáo
431	Hoàng Thanh Thắng	1961		Nùng	X	Đèo Sắt
432	Hồ Ngọc Tuất	1958		Kinh	X	Bản Đồng Tân
433	Đỗ Xuân Văn	1954		Kinh	X	Bản Đồng Vương

TT	Họ và tên	Năm sinh, Giới tính		Dân tộc	Đảng viên	Địa chỉ thôn, bản
		Nam	Nữ			
434	Trần Đình Điệp	1954		Kinh		Bản Thái Hà
435	Lục Văn Lan	1962		Nùng	X	Bản La Xa
436	Phan Danh Hương	1952		Kinh	X	Bản Tràng Bản
437	Hà Văn Cường	1978		Nùng	X	Bản La Lanh
438	Lã Văn Khai	1967		Tày		Bản Đồng Đăng
439	Triệu Trường Giang	1957		Dao	X	Bản Bình Minh
440	Triệu Văn Nam	1961		Nùng		Bản Trại Tre
441	Bùi Quang Khải	1946		Kinh		Bản Trại Mía
29	<i>Xuân Lương</i>					
442	Nông Minh Hiên	1956		Tày	X	Bản Tam Kha
443	Ninh Ngọc Thuận	1962		Cao Lan	X	Bản Thượng Đồng
444	Địch Văn Tường	1957		Cao Lan		Bản Nghè
445	Ninh Quảng Phụng	1961		Cao Lan	X	Ven
446	Triệu Minh Hoạt	1956		Tày	X	Bản Xuân Môi
447	Chu Xuân Đoang	1937		Tày	X	Trại Nấm
448	Phan Văn Tự	1945		Tày		Trại Hạ
449	Hà Văn Long	1952		Tày	X	Trại Mới
450	Chu Xuân Duyên	1947		Tày		Đồng An
451	Trần Thế Tường	1950		Kinh	X	Khe Ngọn
452	Hoàng Văn Vinh	1956		Nùng	X	Gốc Bòng
453	Ninh Văn Keo	1936		Cao Lan	X	Cây Vối
454	Nông Văn Đại	1944		Nùng	X	Cây Thị
455	Hoàng Ngọc Hồ	1938		Tày	X	Ao Tuân
456	Lã Văn Toán	1940		Nùng		Dốc Đơ
457	Hứa Văn Péc	1955		Nùng		Lò Than
458	Trần Minh Thuận	1963		Tày	X	Gốc Dối
459	Đàm Văn Lạng	1956		Nùng		Đồng Cả
460	Hoàng Thị Hồng		1967	Nùng		Trại Sông
461	Lý Thị Nghiênn		1964	Nùng		Còn Trang
462	Triệu Hồng Hải	1960		Kinh		Khuôn Đổng
463	Nông Viết Thống	1960		Nùng		Đình
464	Nông Văn Thiết(Tấm)	1953		Nùng		Chay
465	Nông Viết Dũng	1966		Nùng		Nà Táng
30	<i>Xã Tam Tiến</i>					
466	Hoàng Thị Quế		1963	Nùng		Rừng Dài
467	Hoàng Thị Xây		1960	Tày		Trại Lốt

TT	Họ và tên	Năm sinh, Giới tính		Dân tộc	Đảng viên	Địa chỉ thôn, bản
		Nam	Nữ			
468	Hoàng Ngọc Hà	1958		Sán Dìu		Mỏ Trạng
469	Nguyễn Thị Khánh		1958	Nùng		Chàm
470	Đoàn Văn Thu	1957		Nùng		Diễn
471	Tô Văn Cò	1945		Tày		Bãi Lát
472	Phạm Văn Tân	1960		Nùng	X	Thị Cùng
473	Triệu Ngọc Dân	1960		Cao Lan		Hố Tre
474	Đỗ Hoài Ngọc	1949		Nùng		Quỳnh Lâu
475	Lục Thị Khau		1963	Kinh	X	Đồng Tiên
476	Đình Văn Thêm	1952		Tày	X	Núi Lim
477	Mã Văn Quy	1961		Nùng		Núi Bà
478	Hoàng Công Đắc	1955		Nùng	X	Tiến Trung
479	Nguyễn Thị Lan		1977	Nùng	X	Tiến Bộ
480	Nguyễn Thị Trường		1957	Nùng		La Thành
481	Lăng Thị Thái		1951	Nùng		Song Sơn
482	Lục Văn Quy	1951		Nùng		Hợp Thắng
483	Tô Ngọc Sơn	1953		Nùng		Đồng Cờ
484	Lăng Văn Bình	1955		Nùng		Rừng Chiềng
485	Hoàng Văn Khai	1966		Kinh		Hố Luồng
486	Long Văn Sinh	1970		Tày		Hồng Lĩnh
487	Phùng Văn Bình	1951		Nùng		Cầu Đá
31	Xã Kép					
488	Vi Xuân Vĩnh	1954		Nùng		Đồng Thủy
489	Nguyễn Văn Hào	1964		Sán Dìu	X	Cây
490	Vi Thị Hiền		1960	Nùng		Hương 6
491	Đàm Văn Hà	1969		Nùng		Hương 8
492	Tô Văn Mát	1979		Nùng	X	Khuân Giàn
493	Nông Mạnh Tường	1963		Nùng	X	Quỳnh
494	Triệu Kim Bảo	1959		Dao		Tiền Sơn
495	Đàm Văn Lưu	1964		Nùng		Hương Thân
496	Chu Văn Căn	1952		Nùng	X	Hố Cao
497	Triệu Văn Trò	1951		Nùng		Hèo
498	Phan Văn Vân	1964		Nùng		Đồn 19
499	Nông Văn Tựa	1952		Tày	X	Đồn Cầu Bằng
500	Trần Văn Dân	1958		Nùng		Chí Miu
501	Triệu Văn Đàm	1972		Tày		Phú Lợi
502	Vương Văn Khang	1963		Nùng		Cần Cốc

TT	Họ và tên	Năm sinh, Giới tính		Dân tộc	Đảng viên	Địa chỉ thôn, bản
		Nam	Nữ			
503	Hoàng Văn Quẩy	1964		Nùng		Cánh Phụng
504	Ngọc Văn Còi	1961		Nùng		Đồng Tâm
32	Xã Lạng Giang					
505	Lâm Sỹ Nguyên	1954		Nùng		Bén Rộng
506	Đàm Quốc Sỹ	1974		Nùng	X	Ổng
507	Long Đức Trọng	1975		Nùng	X	Má Bắp
33	Xã Nhã Nam					
508	Nông Xuân Nay	1948		Tày		Thôn Chấn Sơn
509	Hoàng Xuân Lai	1965		Nùng		Thôn Ngân Ván
510	Chu Văn Chì	1960		Nùng	X	Thôn Đèo

(Tổng số 510 người có uy tín)